**Phụ lục II  
MỘT SỐ CÂU HỎI VÀ TRẢ LỜI VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ THƯỜNG GẶP TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN  
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SKHĐT ngày tháng năm 2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **CÂU HỎI** | **CÂU TRẢ LỜI** |
| 11 | Xin hỏi cơ quan đăng ký đầu tư gồm những cơ quan nào? | - Theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Luật Đầu tư thì cơ quan đăng ký đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.  - Cơ quan đăng ký đầu tư được quy định tại [Khoản 2 Điều 3](https://thukyluat.vn/vb/thong-tu-02-2017-tt-bkhdt-huong-dan-giai-quyet-thu-tuc-dang-ky-dau-tu-dang-ky-doanh-nghiep-nha-dau-tu-nuoc-ngoai-54b4e.html#dieu_3-2)[Thông tư 02/2017/TT-BKHĐT](https://thukyluat.vn/vb/thong-tu-02-2017-tt-bkhdt-huong-dan-giai-quyet-thu-tuc-dang-ky-dau-tu-dang-ky-doanh-nghiep-nha-dau-tu-nuoc-ngoai-54b4e.html#dieu_3-2) hướng dẫn về cơ chế phối hợp giải quyết thủ tục đăng ký đầu tư và đăng ký doanh nghiệp đối với nhà đầu tư nước ngoài. Theo đó, “Cơ quan đăng ký đầu tư” bao gồm Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP |
| 22 | Việc đăng ký hoạt động chi nhánh của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được quy định như thế nào? | - Khoản 4 Điều 45 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư quy định tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ngoài trụ sở chính mà không nhất thiết phải có dự án đầu tư. Hồ sơ, trình tự và thủ tục lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của tổ chức kinh tế thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế.  - Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động chi nhánh thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP. |
| 33 | Xin hỏi bản sao hợp lệ trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư là như thế nào? | Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, Bản sao hợp lệ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc bản sao đã được đối chiếu với bản chính hoặc bản in từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp và đầu tư. |
| 44 | Xin hỏi tôi có thể sử dụng tiếng Anh trong hồ sơ đăng ký đầu tư được không? | Điều 4 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư quy định:  1. Hồ sơ đăng ký đầu tư, các văn bản, báo cáo gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền được làm bằng tiếng Việt.  2. Trường hợp hồ sơ đăng ký đầu tư có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì nhà đầu tư phải có bản dịch tiếng Việt hợp lệ kèm theo tài liệu bằng tiếng nước ngoài.  3. Trường hợp giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký đầu tư được làm bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt được sử dụng để thực hiện thủ tục đầu tư.  4. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm trong trường hợp có sự khác nhau giữa nội dung bản dịch hoặc bản sao với bản chính và trong trường hợp có sự khác nhau giữa bản tiếng Việt với bản tiếng nước ngoài. |
| 55 | Xin hỏi ngoài các giấy tờ trong hồ sơ đăng ký đầu tư quy định tại Luật Đầu tư và Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, tôi có phải nộp thêm giấy tờ gì không? | Theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, Cơ quan đăng ký đầu tư không được yêu cầu nhà đầu tư nộp thêm giấy tờ khác ngoài các giấy tờ trong hồ sơ đăng ký đầu tư theo quy định tại Luật Đầu tư và Nghị định này. |
| 66 | Người thành lập doanh nghiệp có được ký các loại hợp đồng phục vụ cho việc thành lập và hoạt động của doanh nghiệp trước và trong quá trình đăng ký doanh nghiệp hay không? | Theo quy định tại Điều 19 Luật Doanh nghiệp thì người thành lập doanh nghiệp được ký các loại hợp đồng phục vụ cho việc thành lập và hoạt động của doanh nghiệp trước và trong quá trình đăng ký doanh nghiệp.  Trường hợp doanh nghiệp được thành lập thì doanh nghiệp phải tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết quy định tại Khoản 1 Điều này, trừ trường hợp các bên hợp đồng có thỏa thuận khác.  Trường hợp doanh nghiệp không được đăng ký thành lập thì người ký kết hợp đồng theo quy định tại Khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm hoặc người thành lập doanh nghiệp liên đới chịu trách nhiệm thực hiện hợp đồng đó. |
| 7 | Có thể sử dụng quyền sử dụng đất làm tài sản góp vốn vào doanh nghiệp được không? | Có. Khoản 1 Điều 35 Luật Doanh nghiệp quy định một trong các loại tài sản góp vốn là giá trị quyền sử dụng đất.  Trường hợp thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và cổ đông công ty cổ phần sử dụng quyền sử dụng đất làm tài sản góp vốn thì phải chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn cho công ty theo quy định tại Khoản 1 Điều 36 Luật Doanh nghiệp. Đối với tài sản có đăng ký quyền sở hữu hoặc giá trị quyền sử dụng đất thì người góp vốn phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản đó hoặc quyền sử dụng đất cho công ty tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Việc chuyển quyền sở hữu đối với tài sản góp vốn không phải chịu lệ phí trước bạ. |
| 88 | Công ty tôi muốn sử dụng kho hàng để lưu trữ hàng hóa và tại các kho hàng này không diễn ra bất kỳ hoạt động kinh doanh cụ thể nào. Xin hỏi, công ty tôi có phải đăng ký thành lập địa điểm kinh doanh đối với các kho hàng này hay không? | Khoản 3 Điều 45 Luật Doanh nghiệp quy định: “Địa điểm kinh doanh là nơi mà doanh nghiệp tiến hành hoạt động kinh doanh cụ thể”. Căn cứ quy định nêu trên thì doanh nghiệp không bắt buộc phải thành lập địa điểm kinh doanh tại địa điểm không tổ chức hoạt động kinh doanh cụ thể.  Trường hợp lập địa điểm kinh doanh, Khoản 2 Điều 33 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP quy định doanh nghiệp chỉ được lập địa điểm kinh doanh tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính hoặc đặt chi nhánh. |
| 99 | Xin hỏi nhà đầu tư nước ngoài được chuyển ra nước ngoài các tài sản nào? | Theo quy định tại Điều 11 Luật Đầu tư, Sau khi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật, nhà đầu tư nước ngoài được chuyển ra nước ngoài các tài sản sau đây:  1. Vốn đầu tư, các khoản thanh lý đầu tư;  2. Thu nhập từ hoạt động đầu tư kinh doanh;  3. Tiền và tài sản khác thuộc sở hữu hợp pháp của nhà đầu tư. |
| 110 | Xin hỏi việc Bảo đảm đầu tư kinh doanh trong trường hợp thay đổi pháp luật được quy định như thế nào? | Điều 13 Luật Đầu tư đã quy định cụ thể về nội dung Bảo đảm đầu tư kinh doanh trong trường hợp thay đổi pháp luật được quy định như thế nào. Cụ thể:  1. Trường hợp văn bản pháp luật mới được ban hành quy định ưu đãi đầu tư cao hơn ưu đãi đầu tư mà nhà đầu tư đang được hưởng thì nhà đầu tư được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của văn bản pháp luật mới cho thời gian hưởng ưu đãi còn lại của dự án.  2. Trường hợp văn bản pháp luật mới được ban hành quy định ưu đãi đầu tư thấp hơn ưu đãi đầu tư mà nhà đầu tư được hưởng trước đó thì nhà đầu tư được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư theo quy định trước đó cho thời gian hưởng ưu đãi còn lại của dự án.  3. Quy định tại khoản 2 Điều này không áp dụng trong trường hợp thay đổi quy định của văn bản pháp luật vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng, bảo vệ môi trường.  4. Trường hợp nhà đầu tư không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều này thì được xem xét giải quyết bàng một hoặc một số biện pháp sau đây:  a) Khấu trừ thiệt hại thực tế của nhà đầu tư vào thu nhập chịu thuế;  b) Điều chỉnh mục tiêu hoạt động của dự án đầu tư;  c) Hỗ trợ nhà đầu tư khắc phục thiệt hại.  5. Đối với biện pháp bảo đảm đầu tư quy định tại khoản 4 Điều này, nhà đầu tư phải có yêu cầu bằng văn bản trong thời hạn 03 năm kể từ ngày văn bản pháp luật mới có hiệu lực thi hành. |
| 111 | Xin hỏi về các cơ chế Giải quyết tranh chấp trong hoạt động đầu tư kinh doanh? | Theo quy định tại Điều 14 Luật Đầu tư,  1.Tranh chấp liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải. Trường hợp không thương lượng, hòa giải được thì tranh chấp được giải quyết tại Trọng tài hoặc Tòa án theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này.  2. Tranh chấp giữa các nhà đầu tư trong nước, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài hoặc giữa nhà đầu tư trong nước, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam được giải quyết thông qua Trọng tài Việt Nam hoặc Tòa án Việt Nam, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.  3. Tranh chấp giữa các nhà đầu tư trong đó có ít nhất một bên là nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật này được giải quyết thông qua một trong những cơ quan, tổ chức sau đây:  a) Tòa án Việt Nam;  b) Trọng tài Việt Nam;  c) Trọng tài nước ngoài;  d) Trọng tài quốc tế;  đ) Trọng tài do các bên tranh chấp thỏa thuận thành lập.  4. Tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam được giải quyết thông qua Trọng tài Việt Nam hoặc Tòa án Việt Nam, trừ trường hợp có thỏa thuận khác theo hợp đồng hoặc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác. |
| 112 | Trường hợp doanh nghiệp đăng ký kinh doanh các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thì khi doanh nghiệp có phải nộp các giấy tờ chứng minh đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh khi đăng ký thành lập doanh nghiệp không? | Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Luật Doanh nghiệp thì doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây: (i) Ngành, nghề đăng ký kinh doanh không bị cấm đầu tư kinh doanh; (ii) Tên của doanh nghiệp được đặt theo đúng quy định tại các Điều 38, 39, 40 và 42 của Luật này; (iii) Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ; (iv) Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.  Hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp quy định tại các Điều 20, 21, 22, 23 Luật Doanh nghiệp, trong đó không bao gồm các giấy tờ chứng minh đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh.  Riêng đối với doanh nghiệp là tổ chức tín dụng, trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, ngoài các giấy tờ theo quy định đối với từng loại hình doanh nghiệp, phải có thêm bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. |
| 113 | Những ngành, nghề đầu tư kinh doanh nào là ngành, nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện? Tôi có thể tra cứu các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện này tại đâu? | Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đã được quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư năm 2014 và Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.  Điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại luật, pháp lệnh, nghị định và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.  Theo quy định tại Khoản 5 Điều 7 Luật Đầu tư thì ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành, nghề đó được đăng tải trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Do vậy, tổ chức, cá nhân có thể truy cập vào trang Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ <https://dangkykinhdoanh.gov.vn/> để tra cứu thông tin về vấn đề nêu trên. |
| 114 | Tôi có thể ghi chi tiết ngành, nghề kinh doanh của công ty mình dưới ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam hay không? | Có. Theo quy định tại Khoản 6 Điều 7 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP thì trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu đăng ký ngành, nghề kinh doanh chi tiết hơn ngành kinh tế cấp bốn thì doanh nghiệp lựa chọn một ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam, sau đó ghi chi tiết ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp ngay dưới ngành cấp bốn nhưng phải đảm bảo ngành, nghề kinh doanh chi tiết của doanh nghiệp phù hợp với ngành cấp bốn đã chọn. Trong trường hợp này, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp là ngành, nghề kinh doanh chi tiết doanh nghiệp đã ghi. |
| 115 | Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Đầu tư thì nhà đầu tư được quyền thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong các ngành, nghề mà Luật này không cấm.. Điều này có nghĩa là nhà đầu tư được quyền kinh doanh tất cả các ngành, nghề kinh doanh mà không cần đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh, kể cả những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện có đúng không? | - Theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP thì khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, khi thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh hoặc khi đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp ghi ngành, nghề kinh doanh trong Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Cơ quan đăng ký kinh doanh hướng dẫn, đối chiếu và ghi nhận ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.  - Doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh với cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có sự thay đổi. Trường hợp doanh nghiệp không thông báo kịp thời sẽ bị xử lý theo quy định tại Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.  - Doanh nghiệp được quyền kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động. Việc quản lý nhà nước đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và kiểm tra việc chấp hành điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành.  - Theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP thì Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp không phải là giấy phép kinh doanh. |
| 116 | Cơ quan đăng ký kinh doanh có quyền yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi nào? | Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP thì một trong những nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Đăng ký kinh doanh là yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện trong trường hợp nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhưng không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Trường hợp doanh nghiệp không tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo yêu cầu, cơ quan đăng ký kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp báo cáo theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 209 Luật Doanh nghiệp. Nếu doanh nghiệp không báo cáo giải trình, cơ quan đăng ký kinh doanh thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 211 Luật Doanh nghiệp. |
| 117 | Trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy chứng nhận đầu tư thì có phải chuyển mã ngành, nghề HS ghi trong Giấy chứng nhận đầu tư sang mã ngành kinh tế cấp bốn theo Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam hay không? | Theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP thì khi đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp lựa chọn ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam để ghi ngành, nghề kinh doanh trong Giấy đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Cơ quan đăng ký kinh doanh hướng dẫn, đối chiếu và ghi nhận ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. |
| 118 | Tôi có thể đăng ký ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam không? | Có. Khoản 1 Điều 7 Luật Doanh nghiệp quy định một trong những quyền của doanh nghiệp là tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm.  - Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam nhưng được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.  - Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam và chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét ghi nhận ngành, nghề kinh doanh này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp nếu không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, đồng thời thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) để bổ sung ngành, nghề kinh doanh mới. |
| 119 | Xin hỏi các điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế? | Theo quy định tại Luật Đầu tư 2014 thì trước khi thành lập tổ chức kinh tế, nhà đầu tư nước ngoài phải có dự án đầu tư, thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và phải đáp ứng các điều kiện:  a)   Về tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ  Nhà đầu tư nước ngoài được sở hữu vốn điều lệ không hạn chế trong tổ chức kinh tế, trừ các trường hợp sau đây:  •    Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại công ty niêm yết, công ty đại chúng, tổ chức kinh doanh chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán;  •    Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa hoặc chuyển đổi sở hữu theo hình thức khác thực hiện theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa và chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước;  •    Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài không thuộc quy định tại nêu trên thực hiện theo quy định khác của pháp luật có liên quan và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.  b)   Hình thức đầu tư, phạm vi hoạt động, đối tác Việt Nam tham gia thực hiện hoạt động đầu tư và điều kiện khác theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. |
| 220 | Xin hỏi “Điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài” và “Điều kiện đầu tư kinh doanh” có phải là một hay không? | “Điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài” và “Điều kiện đầu tư kinh doanh” là hai khái niệm khác nhau. Theo đó, theo quy định tại Khoản 6 Điều 2 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP thì điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài là điều kiện nhà đầu tư nước ngoài phải đáp ứng khi thực hiện hoạt động đầu tư trong những ngành, nghề đầu tư có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại các luật, pháp lệnh, nghị định, điều ước quốc tế về đầu tư. Còn theo quy định tại Khoản 7 Điều 2 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP thì điều kiện đầu tư kinh doanh là điều kiện mà cá nhân, tổ chức phải đáp ứng theo quy định của luật, pháp lệnh, nghị định và điều ước quốc tế về đầu tư khi thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh trong các ngành, nghề quy định tại Phụ lục 4 Luật Đầu tư. |
| 221 | Xin phân biệt “Điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài” và “Điều kiện đầu tư kinh doanh”? | “Điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài” và “Điều kiện đầu tư kinh doanh” là hai loại điều kiện khác nhau về cả đối tượng và thời điểm áp dụng điều kiện. Cụ thể như sau:  *1. Đối với “Điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài”*  Theo quy định tại Khoản 6 Điều 2 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP thì Điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài được áp dụng đối với hoạt động đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài thuộc một trong các trường hợp sau:  a) Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế;  b) Đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp trong tổ chức kinh tế;  c) Đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh;  d) Nhận chuyển nhượng dự án đầu tư hoặc các trường hợp tiếp nhận dự án đầu tư khác;  đ) Sửa đổi, bổ sung ngành, nghề đầu tư kinh doanh của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.  Đồng thời, theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư thì Tổ chức kinh tế phải đáp ứng điều kiện và thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hợp đồng BCC thuộc một trong các trường hợp sau đây:  a) Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh;  b) Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên;  c) Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên.  Như vậy, đối tượng áp dụng của “Điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài” là nhà đầu tư nước ngoài và các tổ chức kinh tế quy định tại Khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư. Còn thời điểm áp dụng của “Điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài” đối với nhà đầu tư nước ngoài là 5 trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 2 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; đối với tổ chức kinh tế quy định tại Khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư là 3 trường hợp: (i)đầu tư thành lập tổ chức kinh tế; (ii) đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế và (iii) đầu tư theo hợp đồng BCC.  *2. Đối với “Điều kiện đầu tư kinh doanh”*  Khoản 8 Điều 7 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp quy định: “Doanh nghiệp được quyền kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động”. |
| 222 | Xin hỏi về các điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài? | Điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại Khoản 6 Điều 2 Nghị định 118/2015/NĐ-CP gồm:  a) Điều kiện về tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế;  b) Điều kiện về hình thức đầu tư;  c) Điều kiện về phạm vi hoạt động đầu tư;  d) Điều kiện về đối tác Việt Nam tham gia thực hiện hoạt động đầu tư;  đ) Điều kiện khác theo quy định tại các luật, pháp lệnh, nghị định và điều ước quốc tế về đầu tư. |
| 223 | Xin hỏi Nguyên tắc áp dụng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài? | Nguyên tắc áp dụng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài được quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP như sau:  a) Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư thuộc các ngành, nghề khác nhau phải đáp ứng toàn bộ điều kiện đầu tư đối với các ngành, nghề đó;  b) Nhà đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng áp dụng của các điều ước quốc tế về đầu tư có quy định khác nhau về điều kiện đầu tư được lựa chọn áp dụng điều kiện đầu tư quy định tại một trong các điều ước đó; trường hợp đã lựa chọn một điều ước quốc tế thì nhà đầu tư nước ngoài thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của điều ước quốc tế đó;  c) Đối với những ngành, phân ngành dịch vụ chưa cam kết hoặc không được quy định tại Biểu cam kết của Việt Nam trong WTO và điều ước quốc tế về đầu tư khác mà pháp luật Việt Nam đã có quy định về điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài thì áp dụng quy định của pháp luật Việt Nam;  d) Nhà đầu tư nước ngoài thuộc vùng lãnh thổ không phải là thành viên WTO thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam được áp dụng điều kiện đầu tư như quy định đối với nhà đầu tư thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ là thành viên WTO, trừ trường hợp pháp luật và điều ước quốc tế giữa Việt Nam và quốc gia, vùng lãnh thổ đó có quy định khác;  đ) Đối với những ngành, phân ngành dịch vụ chưa cam kết hoặc không được quy định tại Biểu cam kết của Việt Nam trong WTO và điều ước quốc tế về đầu tư khác mà pháp luật Việt Nam chưa có quy định về điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài, Cơ quan đăng ký đầu tư lấy ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ quản lý ngành để xem xét, quyết định;  e) Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài đã được phép thực hiện hoạt động đầu tư trong các ngành, phân ngành dịch vụ quy định tại Điểm đ Khoản này và các ngành, phân ngành dịch vụ này đã được công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài theo quy định tại Điều 13 Nghị định này, Cơ quan đăng ký đầu tư xem xét, quyết định hoạt động đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài trong cùng ngành, nghề đó mà không phải lấy ý kiến của Bộ quản lý ngành. |
| 224 | Tôi vừa có quốc tịch Việt Nam, vừa có quốc tịch Pháp, vậy, việc áp dụng điều kiện và thủ tục đầu tư đối với tôi như thế nào? | Điều 11 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP quy định về việc Áp dụng điều kiện và thủ tục đầu tư đối với nhà đầu tư là công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài. Cụ thể:  1. Đối với các hoạt động đầu tư thực hiện tại Việt Nam, nhà đầu tư là công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài được quyền lựa chọn áp dụng điều kiện đầu tư và thủ tục đầu tư như quy định đối với nhà đầu tư trong nước hoặc nhà đầu tư nước ngoài.  2. Trong trường hợp lựa chọn áp dụng điều kiện và thủ tục đầu tư như quy định đối với nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư quy định tại Khoản 1 Điều này không được thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài. |
| 225 | Xin hỏi về Đối tượng nào được hưởng ưu đãi đầu tư? | Đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 và Điều 16 Luật Đầu tư gồm:  a) Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư hoặc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư theo quy định tại Phụ lục I Nghị định này;  b) Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Phụ lục II Nghị định này;  c) Dự án đầu tư có quy mô vốn từ 6.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc kể từ ngày được quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;  d) Dự án đầu tư tại vùng nông thôn sử dụng từ 500 lao động trở lên (không bao gồm lao động làm việc không trọn thời gian và lao động có hợp đồng lao động dưới 12 tháng);  đ) Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về công nghệ cao và pháp luật về khoa học công nghệ. |
| 526 | Xin hỏi Nguyên tắc áp dụng ưu đãi đầu tư? | Nguyên tắc áp dụng ưu đãi đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP được quy định như sau:  a) Dự án đầu tư quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này được hưởng ưu đãi đầu tư như quy định đối với dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;  b) Dự án đầu tư quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này được hưởng ưu đãi đầu tư như quy định đối với dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn;  c) Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được hưởng ưu đãi đầu tư như quy định đối với dự án đầu tư thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;  d) Dự án đầu tư đáp ứng điều kiện hưởng các mức ưu đãi đầu tư khác nhau được áp dụng mức ưu đãi cao nhất;  đ) Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án đầu tư tại khu công nghiệp, khu chế xuất quy định tại Mục 55 Phụ lục II Nghị định này thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp;  e) Ưu đãi tiền thuê đất theo địa bàn khu công nghiệp, khu chế xuất quy định tại Mục 55 Phụ lục II Nghị định này không áp dụng đối với dự án đầu tư tại các khu công nghiệp, khu chế xuất thuộc các quận nội thành của đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I trực thuộc trung ương và các đô thị loại I trực thuộc tỉnh. |
| 227 | Xin hỏi về trình tự thực hiện dự án đầu tư? | Tùy thuộc tính chất, quy mô và điều kiện của từng dự án, dự án đầu tư được thực hiện theo một hoặc một số thủ tục sau đây:  a) Quyết định chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và Nghị định này;  b) Thành lập tổ chức kinh tế theo quy định tại Điều 44 Nghị định này đối với nhà đầu tư nước ngoài đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế;  c) Thực hiện thủ tục giao đất, giao lại đất, cho thuê đất, cho thuê lại đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (nếu có);  d) Thực hiện thủ tục về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng (nếu có). |
| 228 | Xin hỏi khi nào nhà đầu tư phải thực hiện thủ tục ký quỹ? | Nhà đầu tư phải ký quỹ trong trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư, trừ các trường hợp sau:  a) Nhà đầu tư trúng đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê;  b) Nhà đầu tư trúng đấu thầu thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đấu thầu;  c) Nhà đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất trên cơ sở nhận chuyển nhượng dự án đầu tư đã thực hiện ký quỹ hoặc đã hoàn thành việc góp vốn, huy động vốn theo tiến độ quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản quyết định chủ trương đầu tư;  d) Nhà đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư trên cơ sở nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất khác;  đ) Nhà đầu tư là đơn vị sự nghiệp có thu, công ty phát triển khu công nghệ cao được thành lập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu chức năng trong khu kinh tế. |
| 229 | Xin hỏi việc ký quỹ được thực hiện trên cơ sở văn bản nào? | Việc ký quỹ được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận bằng văn bản giữa Cơ quan đăng ký đầu tư và nhà đầu tư sau khi dự án đầu tư được quyết định chủ trương đầu tư nhưng phải trước thời điểm giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư thì thời điểm ký quỹ là thời điểm giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. |
| 330 | Đề nghị hướng dẫn chi tiết về mức kỹ quỹ? | Mức ký quỹ được tính bằng tỷ lệ phần trăm trên vốn đầu tư của dự án đầu tư quy định tại văn bản quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo nguyên tắc lũy tiến từng phần như sau:  a) Đối với phần vốn đến 300 tỷ đồng, mức ký quỹ là 3%;  b) Đối với phần vốn trên 300 tỷ đồng đến 1.000 tỷ đồng, mức ký quỹ là 2%;  c) Đối với phần vốn trên 1.000 tỷ đồng, mức ký quỹ là 1%. |
| 331 | Xin hỏi tiền ký quỹ được quản lý tại đâu? | Tiền ký quỹ được nộp vào tài khoản của Cơ quan đăng ký đầu tư mở tại ngân hàng thương mại tại Việt Nam theo lựa chọn của nhà đầu tư. Nhà đầu tư chịu chi phí liên quan đến việc mở, duy trì tài khoản ký quỹ và thực hiện các giao dịch liên quan đến tài khoản ký quỹ. |
| 332 | Khi nào Nhà đầu tư được giảm tiền ký quỹ? | Nhà đầu tư được giảm tiền ký quỹ trong các trường hợp sau:  a) Giảm 25% số tiền ký quỹ đối với dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư; dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; dự án đầu tư thực hiện trong khu công nghiệp, khu chế xuất, kể cả dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất;  b) Giảm 50% số tiền ký quỹ đối với dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư; dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; dự án đầu tư thực hiện trong khu công nghệ cao, khu kinh tế, kể cả dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao, khu kinh tế. |
| 333 | Dự án của tôi đã tạm ứng tiền giải phóng mặt bằng thì có được hoãn ký quỹ không? | Khoản 7 Điều 27 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP quy định: Nhà đầu tư đã tạm ứng tiền giải phóng mặt bằng, tái định cư được hoãn thực hiện nghĩa vụ ký quỹ tương ứng với số tiền giải phóng mặt bằng, tái định cư đã tạm ứng. |
| 334 | Khi nào Dự án của tôi được hoàn trả tiền ký quỹ? | Nhà đầu tư được hoàn trả tiền ký quỹ theo nguyên tắc sau:  a) Hoàn trả 50% số tiền ký quỹ tại thời điểm nhà đầu tư hoàn thành thủ tục giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và được cấp các giấy phép, chấp thuận khác theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động xây dựng (nếu có) không chậm hơn tiến độ quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư.  b) Hoàn trả số tiền ký quỹ còn lại và tiền lãi phát sinh từ khoản ký quỹ (nếu có) tại thời điểm nhà đầu tư hoàn thành việc nghiệm thu công trình xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị để dự án đầu tư hoạt động không chậm hơn tiến độ quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư;  c) Trường hợp giảm vốn đầu tư của dự án, nhà đầu tư được hoàn trả số tiền ký quỹ tương ứng với số vốn đầu tư giảm theo quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (điều chỉnh) hoặc văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư;  d) Trường hợp dự án đầu tư không thể tiếp tục thực hiện vì lý do bất khả kháng hoặc do lỗi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính, nhà đầu tư được xem xét hoàn trả khoản tiền ký quỹ theo thỏa thuận với Cơ quan đăng ký đầu tư. |
| 335 | Xin hỏi về Thẩm quyền tiếp nhận, cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư? | Điều 28 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP quy định cụ thể:  1.  Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận, cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án đầu tư sau:  a) Dự án đầu tư ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế;  b) Dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao tại những địa phương chưa thành lập Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao.  2. Ban quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế tiếp nhận, cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, gồm:  a) Dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;  b) Dự án đầu tư thực hiện trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế.  3. Sở Kế hoạch và Đầu tư nơi nhà đầu tư đặt hoặc dự kiến đặt trụ sở chính hoặc văn phòng điều hành để thực hiện dự án đầu tư tiếp nhận, cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư sau đây:  a) Dự án đầu tư thực hiện trên địa bàn nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;  b) Dự án đầu tư thực hiện đồng thời ở trong và ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế.  4. Cơ quan quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều này là cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh và thu hồi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương đã cấp cho nhà đầu tư trước thời điểm Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành. |
| 336 | Xin hỏi về trình tự thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư? | Điều 29 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP quy định cụ thể:  1. Nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư cho Cơ quan đăng ký đầu tư.  2. Đối với dự án đầu tư đã triển khai hoạt động, nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này trong đó đề xuất dự án đầu tư được thay bằng báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư từ thời điểm triển khai đến thời điểm đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.  3. Cơ quan đăng ký đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Khoản 1 Điều này nếu đáp ứng các điều kiện sau:  a) Mục tiêu của dự án đầu tư không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh;  b) Dự án đầu tư đáp ứng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Nghị định này (nếu có). |
| 337 | Xin hỏi về thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh? | - Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Khoản 2 Điều này, Cơ quan đăng ký đầu tư lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương đầu tư.  - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cơ quan đăng ký đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.  - Đối với dự án đầu tư được nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá, đấu thầu, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất, dự án đầu tư có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư thực hiện tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Cơ quan đăng ký đầu tư lấy ý kiến thẩm định theo quy định tại Khoản 3 Điều này để cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ mà không phải trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư. |
| 338 | Để thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ thì nhà đầu tư phải nộp mấy bộ hồ sơ? | Nhà đầu tư nộp 08 bộ hồ sơ đăng ký đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều 34 Luật Đầu tư cho Cơ quan đăng ký đầu tư nơi dự kiến thực hiện dự án đầu tư. |
| 339 | Dự án của chúng tôi không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư nhưng nay tôi có nhu cầu điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thì thực hiện như thế nào? | 1. Trường hợp thay đổi tên dự án đầu tư, địa chỉ của nhà đầu tư hoặc thay đổi tên nhà đầu tư, nhà đầu tư nộp văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư cho Cơ quan đăng ký đầu tư kèm theo tài liệu liên quan đến việc thay đổi tên, địa chỉ của nhà đầu tư hoặc tên dự án đầu tư. Cơ quan đăng ký đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.  2. Trường hợp điều chỉnh địa điểm thực hiện dự án đầu tư, diện tích đất sử dụng; mục tiêu, quy mô dự án đầu tư; vốn đầu tư của dự án, tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn; thời hạn hoạt động của dự án; tiến độ thực hiện dự án đầu tư; ưu đãi, hỗ trợ đầu tư (nếu có) và các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư (nếu có), nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ cho Cơ quan đăng ký đầu tư, gồm:  a) Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;  b) Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh;  c) Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư (đối với các trường hợp điều chỉnh nội dung quy định tại các Khoản 4, 5, 6, 7, 8 và 10 Điều 39 Luật Đầu tư);  d) Giải trình hoặc cung cấp giấy tờ liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các Điểm b, c, d, đ, e, g Khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư (nếu có).  3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Khoản 2 Điều này, Cơ quan đăng ký đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.  4. Việc điều chỉnh nhà đầu tư thực hiện theo thủ tục quy định tại các Điều 37, 38 và 39 Nghị định Nghị định số 118/2015/NĐ-CP. |
| 440 | Công ty chúng tôi chuyển nhượng dự án cho nhà đầu tư khác, vậy thủ tục thực hiện như thế nào? | Thực hiện Thủ tục thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư quy định tại Điều 37 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP |
| 441 | Công ty chúng tôi có 1 Dự án đầu tư, nay Công ty dự định sẽ sáp nhập với một công ty khác thì việc thực hiện Dự án đầu tư như thế nào? | Việc công ty bạn sáp nhập với một công ty khác thì thực hiện theo Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế quy định tại Điều 38 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP. |
| 442 | Công ty chúng tôi bị mất Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, đề nghị hướng dẫn thủ tục xin cấp lại? | Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư bị mất hoặc bị hỏng, nhà đầu tư nộp văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho Cơ quan đăng ký đầu tư. Cơ quan đăng ký đầu tư xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. |
| 443 | Thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không đúng với thông tin tại hồ sơ đăng ký đầu tư, nay chúng tôi có nhu cầu hiệu đính lại, vậy thực hiện thủ tục nào? | Trường hợp thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không đúng với thông tin tại hồ sơ đăng ký đầu tư, Cơ quan đăng ký đầu tư hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của nhà đầu tư. |
| 444 | Chúng tôi có nhu cầu chấm dứt dự án đầu tư thì thực hiện thủ tục nào? | Thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư quy định cụ thể tại Điều 41 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP. |
| 445 | Đề nghị hướng dẫn nội dung báo cáo của tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư? | Theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư báo cáo Cơ quan đăng ký đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước về thống kê tại địa phương các chỉ tiêu sau:  1. Báo cáo tháng về tình hình thực hiện vốn đầu tư: Trong trường hợp dự án đầu tư có phát sinh vốn đầu tư thực hiện trong tháng, tổ chức kinh tế báo cáo trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày kết thúc tháng báo cáo.  2. Báo cáo quý được thực hiện trước ngày 12 của tháng đầu quý sau quý báo cáo, gồm các nội dung: Vốn đầu tư thực hiện, doanh thu thuần, xuất khẩu, nhập khẩu, lao động, thuế và các khoản nộp ngân sách, tình hình sử dụng đất, mặt nước.  3. Báo cáo năm được thực hiện trước ngày 31 tháng 3 năm sau của năm báo cáo, gồm các chỉ tiêu của báo cáo quý và chỉ tiêu về lợi nhuận, thu nhập của người lao động, các khoản chi và đầu tư cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, xử lý và bảo vệ môi trường, nguồn gốc công nghệ sử dụng. |
| 446 | Cơ quan công an kết luận hồ sơ đăng ký thành lập Công ty TNHH HM có yếu tố giả mạo. Xin hỏi trong hợp này doanh nghiệp sẽ bị xử lý như thế nào? | Theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 211 Luật Doanh nghiệp thì trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp là giả mạo thì doanh nghiệp thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.  Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 63 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP. Theo đó, trường hợp hồ sơ đăng ký thành lập mới doanh nghiệp là giả mạo thì Phòng Đăng ký kinh doanh ra thông báo về hành vi vi phạm của doanh nghiệp và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.  Sau khi nhận được Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp thực hiện thủ tục giải thể theo quy định tại Điều 203 Luật Doanh nghiệp. |
| 447 | Trường hợp doanh nghiệp không gửi báo cáo theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 209 Luật Doanh nghiệp thì sẽ bị xử lý như thế nào? | Khoản 4 Điều 63 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp quy định trường hợp doanh nghiệp không gửi báo cáo theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 209 Luật Doanh nghiệp thì trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 211 Luật Doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đến trụ sở của Phòng để giải trình. Sau 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn hẹn trong thông báo mà người được yêu cầu không đến thi Phòng Đăng ký kinh doanh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.  Sau khi nhận được Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp thực hiện thủ tục giải thể theo quy định tại Điều 203 Luật Doanh nghiệp. |
| 448 | Xin hỏi trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế theo quy định tại Khoản 26 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế? | Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế theo quy định tại Khoản 26 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế được quy định tại Khoản 5 Điều 63 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp. Theo đó, trường hợp doanh nghiệp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế theo quy định tại Khoản 26 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế thì trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của thủ trưởng cơ quan quản lý thuế theo quy định tại Khoản 31 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đến trụ sở của Phòng để giải trình. Sau 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn hẹn trong thông báo mà người được yêu cầu không đến thì Phòng Đăng ký kinh doanh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.  Sau khi nhận được Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp thực hiện thủ tục giải thể theo quy định tại Điều 203 Luật Doanh nghiệp. |